TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ SA ĐÉC** **TỈNH ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 08/2024/DS-ST
Ngày: 28 - 3 - 2024
V/v tranh chấp về hợp đồng dân sự vay tài sản (vàng)

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ SA ĐÉC - TỈNH ĐỒNG THÁP

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Thanh Thuỳ.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Hai.

2. Bà Trần Hồng Vân.

***- Thư ký phiên tòa*:** Ông Trương Minh Đăng - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Sa Đéc, tỉnh Đồng Tháp.

***- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Sa Đéc, tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa*:** Ông Nguyễn Văn Trung - Kiểm sát viên.

Trong ngày 28 tháng 3 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố SaĐéc, tỉnh Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 199/2023/TLST-DS, ngày 22 tháng 11 năm 2023 về việc "*Tranh chấp về hợp đồng dân sự vay tài sản (vàng)*", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 18/2024/QĐXXST-DS, ngày 12 tháng 3 năm 2024, giữa các đương sự:

1.Nguyên đơn: Ông Trần Văn T, sinh năm 1960

Địa chỉ: Số 224, ấp Khánh Nghĩa, xã Tân Khánh Đông, Thành phố Sa Đéc, tỉnh Đồng Tháp

2. Bị đơn: Bà Đặng Thị L, sinh năm 1971

Địa chỉ: Số C, Dãy A, KDC Đ, xã T, thành phố S, Đồng Tháp

Các đương sự có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

***Quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn là ông Trần Văn T trình bày*:**

Do quen biết nên ông T có cho bà Đặng Thị L, vay vàng cụ thể:

Lần 1: Ngày 20/9/2022, ông T cho bà L vay 02 chỉ vàng 24K có làm biên nhận vay. Thời hạn vay là 05 tháng.

Lần 2: Ngày 30/10/2022 ông T tiếp tục cho bà L vay 02 chỉ vàng 24K có làm biên nhận vay. Thời hạn vay là 06 tháng.

Cả 02 lần vay biên nhận đều thoả thuận lãi suất vay vàng: là 10%/ tháng tương đương là 1.000.000đ/02 chỉ/1tháng, với mục đích vay sử dụng tiêu xài cá nhân, cả 02 lần vay bà L không có thế chấp tài sản.

Ông T xác định từ khi vay đến ngày 18/10/2023 ngày hoà giải tại Ủy ban nhân dân xã T thì bà L đã trả lãi của 04 chỉ vàng được tổng cộng 10.000.000đ, còn nợ lãi 5.000.000đ cho đến nay bà L không đóng lãi. Hiện bà L chưa trả cho ông T 04 chỉ vàng nhẫn trơn 24 K.

Trước đây ông Trần Văn T yêu cầu bà Đặng Thị L trả 04 (bốn) chỉ vàng nhẫn trơn 24K quy ra thành tiền với giá 5.800.000đ/chỉ là 23.200.000đ. Nay ông thay đổi ý kiến, không yêu cầu quy ra thành tiền để trả. Do ông T xác định cho bà L vay vàng, không phải cho vay tiền nên yêu cầu bà L trả đủ 04 chỉ vàng cho ông T và lãi suất cho vay là lãi vàng không phải quy ra tiền tính lãi.

Ông T thừa nhận có nhận lãi của bà L là 10.000.000đ, không phải 19.000.000đ như bà L trình bày. Ông T cũng không đồng ý trả lại tiền lãi theo yêu cầu phản tố của bà L là 19.000.000đ vì khi vay 02 bên có thoả thuận lãi vay vàng là 10%/ tháng theo như cam kết thể hiện trong các biên nhận bà L viết nên ông T yêu cầu bà L trả đủ 04 chỉ vàng 24K, ông T không yêu cầu tính lãi. Ông T không yêu cầu ai khác liên đới trả nợ cùng bà L. Ngoài ra, không còn yêu cầu gì khác.

***Quá trình tham gia tố tụng tại tòa án, bị đơn là bà Đặng Thị L trình bày*:**

Bà L thống nhất theo trình bày của ông T, bà L thừa nhận có vay của ông T tổng cộng 04 chỉ nhẫn trơn vàng 24 K, do hoàn cảnh kinh tế gia đình khó khăn nên chưa trả được cho ông T, mục đích vay vàng để bà L tiêu xài cá nhân. Nay bà Đặng Thị L đồng ý trả 04 (bốn) chỉ vàng 24K cho ông Trần Văn T.

Bà L có yêu cầu phản tố buộc ông T trả lại tiền lãi mà ông T nhận của bà L của khoản vay ngày 30/10/2022 (từ ngày 30/11/2022 đến ngày 30/7/2023) là 9.000.000đ, và lãi của khoản vay ngày 20/9/2022 (từ ngày 20/10/2022 đến ngày 20/7/2023) là 10.000.000đ, tổng cộng đã trả lãi 04 chỉ vàng đến ngày 30/7/2023 là 19.000.000đ, không phải 10.000.000đ như ông T trình bày, khi trả lãi không có làm giấy tờ, không có biên nhận, không có tài liệu gì chứng minh ông T đã nhận lãi 19.000.000đ. Bà L không yêu cầu ai khác liên đới trả nợ cùng bà L. Ngoài ra, không còn yêu cầu gì khác.

***Đại diện Viện kiểm sát thành phố S phát biểu ý kiến tại phiên tòa*:**

- Về việc chấp hành pháp luật tố tụng: Quá trình tiến hành tố tụng từ khi thụ lý vụ án cho đến khi xét xử và tại phiên tòa hôm nay; Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa cũng như các đương sự đều thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trần Văn T. Buộc bà Đặng Thị L trả ông T 04 chỉ vàng 24K.

- Chấp nhận một phần yêu cầu phản tố của bà Đặng Thị L. Buộc ông T trả bà L số tiền 10.000.000đ.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết tranh chấp: Căn cứ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án thể hiện quan hệ pháp luật tranh chấp giữa các đương sự là tranh chấp về hợp đồng dân sự vay tài sản thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn có nơi cư trú tại thành phố S nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố SaĐéc theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

Nguyên đơn ông Trần Văn T yêu cầu bị đơn là bà Đặng Thị L trả số tiền vốn vay là 4 chỉ vàng 24 K, không yêu cầu tính lãi.

Bà L yêu cầu phản tố yêu cầu ông Trần Văn T trả lại tiền lãi vàng ông T đã nhận của bà L là 19.000.000đ

[2.1] Xét yêu cầu trả tiền vốn 4 chỉ vàng 24 K:

Hội đồng xét xử xét thấy: Bà L xác định có vay của ông T 02 lần tổng cộng là 04 chỉ vàng nhẫn trơn 24K đến nay chưa trả sự việc này được bà L thừa nhận, đây là tình tiết, sự kiện không cần phải chứng minh theo quy định tại Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự. Như vậy, có đủ cơ sở xác định giữa ông T và bà L xác lập hợp đồng vay tài sản theo quy định tại Điều 463 của Bộ luật dân sự năm 2015 nên phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa các bên. Bà L đồng ý trả cho ông T 04 chỉ vàng 24 K (loại nhẫn trơn) thống nhất theo yêu cầu của ông T. Do đó, xét thấy yêu cầu của ông T là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.2] Xét yêu cầu phản tố của bà L yêu cầu ông T trả lại số tiền lãi vàng là 19.000.000đ.

Hội đồng xét xử xét thấy:

Bà L cho rằng đã đóng lãi cho ông T đến tháng 8 năm 2023 của 04 chỉ vàng được tổng cộng 19.000.000đ, nhưng việc đóng lãi không có làm giấy tờ, không có biên nhận, không có chứng cứ gì để chứng minh. Trong khi T chỉ thừa nhận là bà L đã đóng lãi cho ông T tổng cộng là 10.000.000đ trên số vàng cho vay là 04 chỉ. Do đó, trên cơ sở sự thừa nhận của ông T xác định số tiền lãi ông T đã nhận của bà L là 10.000.000đ.

Đối với việc bà L yêu cầu ông T trả lại tiền lãi đã nhận. Xét thấy: Qua Toà án xác minh thu thập chứng cứ tại 05 Ngân hàng N, Ngân hàng thương mại cổ phần T1 địa bàn thành phố S thì từ ngày 20/9/2022 đến nay các Ngân hàng không huy động vốn gửi tiết kiệm bằng vàng, nên không có cơ sở tính lãi vàng.

Đồng thời, căn cứ Nghị định 24/2012/NĐ-CP ngày 03/4/2012 về quản lý hoạt động kinh doanh vàng và theo quy định của pháp luật tại Điều 468 ộ luật dân sự chỉ quy định lãi suất vay tiền, không quy định đối với lãi suất vàng.

Ngoài ra, qua kết quả xác minh giá vàng của Phòng T2- Thành phố S cung cấp thì tại thời điểm cho vay ngày 20/9/2022 vàng 24K có giá 5.140.000đ/chỉ, 02 chỉ là 10.240.000đ; Ngày 30/10/2022 vàng 24K có giá 5.200.000đ/chỉ, 02 chỉ là 10.400.000đ; Tổng cộng 04 chỉ là 20.640.000đ.

Tại thời điểm xét xử tháng 3/2024 giá vàng 24K có giá 6.880.000đ/chỉ, 04 chỉ = 27.520.000đ; nhiều hơn so với thời điểm cho vay là 6.880.000đ.

Như vậy, nếu 04 chỉ vàng quy ra tiền tại thời điểm cho vay với mức lãi suất 20%/ năm (tính theo mức lãi suất cao nhất quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự) thì lãi ông T được nhận là:

+ 10.240.000đ x 20%/ năm (1,66%/ tháng) x 18 tháng 08 ngày = 3.100.672đ

+ 10.400.000đ x 20%/ năm (1,66%/ tháng) x 16 tháng 28 ngày = 2.918.933đ

Tổng cộng: 6.019.605đ

Như vậy, ông T khi nhận lại vàng là đã nhận được phần chênh lệch giá khi vàng tăng là 6.880.000đ và số tiền này đã nhiều hơn số tiền lãi nếu quy ra tiền của 04 chỉ vàng mà ông L được phép nhận là 6.019.605đ.

Tuy nhiên, cả ông T và bà L đều thừa nhận cho vay vàng, nhận lãi vàng không quy ra tiền để trả vốn và không quy ra tiền để trả lãi. Cho nên việc ông T nhận lãi vàng của bà L là không có cơ sở.

Từ những phân tích nêu trên, ông T thừa nhận đã nhận tiền lãi của bà L 10.000.000đ, nên ông T có trách nhiệm trả lại số tiền này. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu phản tố của bà L. Buộc ông T trả lại cho bà L 10.000.000đ tiền lãi đã nhận.

[3] Đối với ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn và một phần yêu cầu phản tố của bị đơn là phù hợp với tình tiết khách quan của vụ án nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về án phí:

Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bà L chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm (5% x 04 chỉ vàng x 6.880.000đ/1chỉ) là 1.376.000đ và án phí đối với một phần yêu cầu phản tố không được chấp nhận là 450.000đ

Ông T phải chịu án phí đối với yêu cầu phản tố của bà L được chấp nhận. Tuy nhiên, do ông T là người cao tuổi, có đơn xin miễn giảm án phí nên Hội đồng xét xử chấp thuận miễn toàn bộ án phí cho ông T.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 91, Điều 92 và Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 463, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 12, Điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/NQ-UBTVQH14, ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí Toà án.

Tuyên xử:

- Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của ông Trần Văn T về việc yêu cầu bà Đặng Thị L trả cho ông T 04 (bốn) chỉ vàng 24 K (loại nhẫn trơn).

- Buộc bà Đặng Thị L trả cho ông Trần Văn T vốn vay là 04 (bốn) chỉ vàng 24 K (loại nhẫn trơn).

- Kể từ ngày có đơn yêu cầu của người được thi hành án, mà bên phải thi hành án chưa thi hành xong, thì hàng tháng còn phải chịu khoản tiền lãi với mức lãi suất bình quân trong 04 tháng của 03 tổ chức tính dụng tại địa phương (nếu có) đối với số vàng chậm thi hành án cho đến khi thi hành án xong.

- Chấp nhận một phần yêu cầu phản tố của bà Đặng Thị L về việc yêu cầu ông Trần Văn T trả lại số tiền lãi 19.000.000đ

- Buộc ông Trần Văn T trả cho bà Đặng Thị L số tiền là 10.000.000đ (Mười triệu đồng)

- Kể từ ngày có đơn yêu cầu của người được thi hành án, mà bên phải thi hành án chưa thi hành xong, thì hàng tháng còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015 cho đến khi thi hành án xong.

- Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Đặng Thị L nộp 1.376.000đ đối với yêu cầu của ông T được chấp nhận và nộp 450.000đ đối với một phần yêu cầu phản tố không được chấp nhận. Số tiền tạm ứng án phí 475.000đ bà L đã nộp theo biên lai số 0004021 ngày 12/3/2024 sẽ được trừ vào án phí bà L phải nộp. Bà L còn phải nộp 1.351.000đ án phí dân sự sơ thẩm tại Chi Cục thi hành án dân sự Thành phố Sa Đéc.

Ông Trần Văn T được miễn nộp toàn bộ tạm ứng án phí và án phí dân sự sơ thẩm, do ông T thuộc trường hợp là người cao tuổi và có đơn xin miễn nộp hợp lệ.

- Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

- Các đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

***Nơi nhận*:Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa**

- TAND tỉnh ĐT;
- VKSND thành phố Sa Đéc;
- Chi cục T;
- Các đương sự;
- Lưu Hồ sơ vụ án, Văn thư;

Võ Thanh Thuỳ

HỘI THẨM NHÂN DÂNTHẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(*ký tên, ghi rõ họ tên*)(*ký tên, ghi rõ họ tên, đóng dấu*)

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

***Nơi nhận*:Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa**

- TAND tỉnh ĐT;
- VKSND thành phố Sa Đéc;
- Chi cục THADS TP. Sa Đéc;
- Các đương sự;
- Lưu Hồ sơ vụ án, Văn thư;

Trần Quốc Danh